

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 9- 2021
V/v ly hôn; nuôi con chung giữa chị T
và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đồng;
2. Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “ ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1979 “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Dương Văn N, sinh năm 1976 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn Tư Thâm, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Dương Văn N kết hôn với nhau vào năm 1999. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2010, chị và anh N có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Phì Điền, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N chung sống với nhau ngay tại gia đình anh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng từ tháng 01/2000. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời không chịu làm ăn, vợ

chồng hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 09/2014 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Dương Thị Hà, sinh ngày 01/6/2002, cháu Dương Thị My, sinh ngày 19/11/1999 và Dương Thị Na, sinh ngày 12/05/2010. Hiện nay, cháu Hà và cháu My đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, còn cháu Na đang ở cùng với anh N. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Na, còn cháu Hà và cháu My đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian anh và chị T cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của chị T là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến năm 2014, chị T đi xuất khẩu lao động cho đến năm 2018 thì về nước nhưng không về chung sống cùng anh, không quan tâm gì đến anh và gia đình. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay, anh xác định không còn tình cảm gì với chị T, chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh thống nhất lời trình bày trên của chị T, vợ chồng có ba con chung. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Na, còn cháu Hà và cháu My đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Dương Thị Na là con chung của chị T và anh N, cháu Na trình bày: Cháu là con của anh N và chị T. Hiện nay cháu đang học tại trường tiểu học T, L. Cháu biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn và mong muốn bố mẹ suy nghĩ lại để đoàn tụ. Nếu bố mẹ kiên quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở cùng với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật

hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Dương Văn N.

Về nuôi con chung: Giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Thị Na, sinh ngày 12/05/2010. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa, nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có lý do theo đúng quy định, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Chị T và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng, chị T xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N chơi bời không chịu làm ăn và đã ly thân nhau từ tháng 9/2014 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan hệ tình cảm gì, chị T xin ly hôn anh, anh N đồng ý ly hôn chị T. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung:** Hiện nay, cháu Hà và cháu My đã trưởng thành không xem xét giải quyết, còn cháu Na đang ở với anh N, anh N và chị T đều thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung, cháu Na cũng có nguyện vọng xin được ở với anh N nên cần giao cho anh N trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Thị Na, sinh ngày 12/05/2010. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 232; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Dương Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao anh Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Dương Thị Na, sinh ngày 12/05/2010. Chị Bùi Thị T được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0001926 ngày 30/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Phì Điền, L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

